

Số: /KH-UBND

Kiến An, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kế hoạch hành động số 15-KH/ĐU ngày 10/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy phường về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn phường Kiến An

Thực hiện Kế hoạch số 238/KH-UBND, ngày 13/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 15-KH/ĐU ngày 10/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy phường Kiến An về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Ủy ban nhân dân phường Kiến An xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn phường, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết số 57-NQ/TW*) và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sau đây gọi tắt *Nghị quyết số 71/NQ-CP*).

- Xác định nhiệm vụ cụ thể để các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động, hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KH-CN, ĐMST và CDS) là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội xứng tầm thành phố trong kỷ nguyên mới.

2. Yêu cầu

- Tổ chức triển khai đồng bộ và thống nhất các nhiệm vụ từ phường đến cơ sở. Các cơ quan, đơn vị của phường xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện với lộ trình, thời gian và phân công trách nhiệm cụ thể; thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Định kỳ hằng năm tổ chức đánh giá kết quả để kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của phường.

- Tăng cường sự phối hợp liên ngành, giữa các cơ quan, đơn vị, triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp.

- Tập trung thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu đề ra của Kế hoạch thông qua việc hoàn thiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển KHCN, ĐMST và CDS.

- Ưu tiên đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KHCN, ĐMST, CDS. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số. Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, đổi mới toàn diện trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, đồng thời tích cực hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, ĐMST, CDS để phát triển kinh tế số. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế về KHCN, ĐMST và CDS.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của kinh tế phường thông qua đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và ứng dụng KHCN, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực; nâng cao tỷ trọng đóng góp của chỉ số TFP trong tăng trưởng GRDP của phường.

- Thúc đẩy hoạt động ĐMST, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp, từng bước hình thành trung tâm nghiên cứu - phát triển, kết nối chặt chẽ trung tâm nghiên cứu - phát triển với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; khơi dậy tinh thần sáng tạo và thu hút nguồn lực chất lượng cao từ trong và ngoài nước.

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu.

- Hoàn thiện chính quyền số, nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng phục vụ; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững. Phát triển kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng đột phá, chiếm tỷ trọng lớn trong GRDP thành phố, phường.

- Phát triển xã hội số và hạ tầng số đồng bộ, hiện đại; tái cấu trúc, xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng và chủ quyền số, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

- Tăng cường chuyển đổi xanh gắn với chuyển đổi số, kết hợp chuyển đổi số và chuyển đổi xanh để giảm thiểu khí thải carbon và bảo vệ môi trường; triển khai các giải pháp quản lý thông minh trong giao thông, năng lượng và quản lý tài nguyên.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Các chỉ tiêu theo Nghị quyết 71/NQ-CP

Nhằm thực hiện hiệu quả, đạt được mục tiêu chung trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, Đảng ủy phường, Ủy ban nhân dân phường phân công việc theo dõi đánh giá các chỉ tiêu cụ thể cho các cơ quan, đơn vị tại *Phụ lục 01* kèm theo Kế hoạch này.

2.2 Các chỉ tiêu đánh giá theo giai đoạn 5 năm

Nhằm thực hiện hiệu quả, đạt được mục tiêu chung trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia, Ủy ban nhân dân phường xác định các mục tiêu cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện theo 5 giai đoạn (đến hết năm 2025; đến hết năm 2030; đến hết năm 2035; đến hết năm 2040; đến hết năm 2045); tập trung thực hiện các mục tiêu về: (1) Phát triển hạ tầng; (2) Phát triển nguồn lực; (3) Phát triển khoa học và công nghệ; (4) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; (5) Phát triển chuyển đổi số (*theo Phụ lục 01*).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn phường về phát triển KHCN, ĐMST và CDS

1.1. Xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chính phủ và Kế hoạch hành động của Thành ủy, Đảng ủy phường theo hướng: đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác.

1.2. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chính phủ và Kế hoạch hành động của Thành ủy theo hướng “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả”; Kế hoạch cần phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho từng nhiệm vụ và cần xác định rõ nguồn lực thực hiện (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, ...), lượng hóa, cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, sản phẩm để theo dõi và đánh giá hiệu quả triển khai.

1.3. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS của cơ quan, tổ chức; giao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch về phát triển KHCN, ĐMST và CDS hằng năm. Rà soát tiêu chuẩn chức danh công chức, lãnh đạo quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước, phân đấu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị.

1.4. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về KHCN, ĐMST, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.

1.5. Phát động phong trào thi đua trong toàn phường để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân và Nhân dân trên địa bàn phường thực hiện thắng lợi Kế hoạch. Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc; Phát động phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong mọi cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS

2.1. Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền của phường hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung để ban hành chính sách ưu đãi trong nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ số, tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về thể chế, cơ chế, chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của KHCN, ĐMST, CDS.

2.2. Xây dựng quy hoạch, chiến lược và các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của phường giai đoạn 2025 - 2045, đồng bộ với quy hoạch của Thành phố, Đảng ủy phường tầm nhìn tới năm 2045, tập trung cả hệ thống chính trị để thực hiện thành công các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch, biện tiềm năng thành hiện thực trong thời gian sớm nhất.

2.3. Đồng thời, đẩy mạnh thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước; Tạo điều kiện thuận lợi để các chuyên gia quốc tế tham gia vào các dự án nghiên cứu lớn, nâng cao năng lực khoa học - công nghệ và chuyển đổi số của Thành phố, tập trung vào 05 nhóm cơ chế, chính sách trong lĩnh vực như Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT); Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ phát triển các nhóm ngành dịch vụ về tài chính, logistic, giao thông vận tải, y tế, giáo dục, ...; Công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp, y tế và môi trường; Công nghệ vật liệu mới và tự động hóa, vi mạch, bán dẫn; Công nghệ năng lượng tái tạo và bền vững.

2.4. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền trong công tác quản lý nhà nước về KHCN, ĐMST và CDS. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, viện, trường. Rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính.

2.5. Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về KHCN, ĐMST và CDS. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; hỗ trợ, khuyến khích đầu tư phát triển các viện nghiên cứu, trường đại học, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển KHCN.

2.6. Nghiên cứu xây dựng, công bố, triển khai danh mục các lĩnh vực công nghệ chiến lược, các dự án trọng điểm, các khu vực có tiềm năng để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng KHCN, ĐMST và CDS. Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động KHCN, ĐMST và CDS đáp ứng nhu cầu phát triển của phường; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

2.7. Xây dựng và hình thành các quỹ: quỹ phát triển khoa học - công nghệ, quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp (nếu đủ điều kiện); Cho phép thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách nhà nước. Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ KH&CN trọng điểm, dự án chuyển đổi số, đồng thời kêu gọi xã hội hóa (hợp tác công - tư, công - công, quỹ đầu tư mạo hiểm...).

2.8. Tạo điều kiện chuyển giao công nghệ: Sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới (sandbox), có kiểm soát rủi ro; tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ số. Xây dựng các khu vực, các không gian sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, để thử nghiệm các mô hình kinh doanh, sản phẩm, công nghệ mới. Xây dựng Đề án thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới, cơ chế thí điểm hỗ trợ người sử dụng gắn với kết quả nghiên cứu công nghệ mới, vật liệu mới, mô hình kinh doanh mới có sự giám sát của Nhà nước, miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan nhằm tạo dựng một môi trường minh bạch, cạnh tranh, không có rào cản đối với các ý tưởng đổi mới sáng tạo.

2.9. Tập trung thúc đẩy khai thác, triển khai, kết nối, hợp tác hiệu quả; tăng cường thu hút các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển KHCN, ĐMST và CDS trên địa bàn phường; xem xét, ưu tiên các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở trên địa bàn phường. Khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao thông qua các chính sách ưu đãi thuế, tài chính, hỗ trợ về đất đai và cơ sở hạ tầng cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên đầu tư, mua sắm công các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ số.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KHCN, ĐMST và CDS

3.1. Tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch về phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; các chính sách thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược. Xây dựng các chương trình về Chuyển đổi số của phường từng giai đoạn 5 năm, đảm bảo mục tiêu đến năm 2045 (Chiến lược tổng thể 10 năm đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh, có tính dự phòng; lồng ghép chiến lược tổng thể phát triển hạ tầng số và quy hoạch tổng thể của Thành phố, Đảng ủy phường).

3.2. Xây dựng chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển (Chiến lược hình thành và phát triển trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển của phường và thành phố; chiến lược khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; chiến lược nâng cao năng lực nghiên cứu; chiến lược đẩy mạnh đổi mới sáng tạo trong khu vực công).

3.3. Phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số. Xây dựng chương trình, dự án thúc đẩy các lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo trọng tâm của phường và thành phố.

3.4. Đầu tư phát triển hạ tầng năng lượng; đầu tư nâng cao năng lực cho các tổ chức nghiên cứu phát triển công lập; rà soát, tổ chức quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên của địa phương để phát triển KHCN, ĐMST.

3.5. Xây dựng và dùng chung các nền tảng số, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Hợp tác đầu tư phát triển hạ tầng số hiện đại, xây dựng nền tảng số sử dụng chung cho nhiều cơ quan, tổ chức.

3.6. Triển khai hiệu quả chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế số, xã hội số; giao người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số.

3.7. Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn phường.

3.8. Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.

3.9. Chuyển đổi số các cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT) để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh. Thúc đẩy, phát triển một số ngành, lĩnh vực ứng dụng công nghiệp Internet vạn vật (IoT) như sản xuất, thương mại, năng lượng, nông nghiệp, giao thông, y tế,...

3.10. Khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, các địa phương để phát triển kinh tế - xã hội; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo; Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với một số ngành, lĩnh vực quan trọng.

3.11. Xây dựng, ban hành Kế hoạch nghiên cứu, phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực hành chính công, nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) dựa trên dữ liệu lớn trong các giải pháp phát triển các ứng dụng công nghệ số, gắn với công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm theo hướng đi tắt, đón đầu; thúc đẩy việc sử dụng AI nhằm nâng cao năng suất lao động trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, hướng tới hình thành xã hội số thông minh, hiệu quả.

3.12. Triển khai Đề án/Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược trong các ngành, lĩnh vực.

3.13. Tạo điều kiện kết nối viện - trường - doanh nghiệp, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống; Ưu tiên các nhiệm vụ khoa học, công nghệ giải quyết vấn đề bức thiết (nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục...); thúc đẩy công bố khoa học, đăng ký sở hữu trí tuệ.

3.14. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; Nghiên cứu, đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Made in Việt Nam”.

3.15. Triển khai các ứng dụng sản phẩm, dịch vụ dữ liệu, bảo đảm an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân; Triển khai ứng dụng các giải pháp tăng cường an ninh dữ liệu. Khuyến khích phát triển các sản phẩm bảo mật, an ninh dữ liệu.

3.16. Đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật ở từng cấp, thường xuyên kiểm tra, giám sát đảm bảo an ninh, an toàn tuyệt đối các hệ thống thông tin; Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng; Xây dựng kế hoạch, đảm bảo nguồn lực ứng cứu sự cố; Định kỳ kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển KHCN, ĐMST và CDS

4.1. Xây dựng các chiến lược về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao; về bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức; về đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường cao đẳng, đại học của phường, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường; về tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực; về xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực KH-CN, ĐMST và CDS, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; về thu hút nhân tài, chuyên gia.

4.2. Nghiên cứu, tham mưu ban hành chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ nhân lực có trình độ cao về KHCN, ĐMST và CDS làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp nhu cầu của phường.

4.3. Đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục, trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo và các lĩnh vực công nghệ chiến lược khác. Hợp tác với các doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực công nghệ số; Tăng cường hợp tác, liên kết trong đào tạo nhân lực với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình thực hành, trao đổi chuyên gia, du học, thực tập,...

4.4. Xác định rõ nhu cầu nhân lực của từng lĩnh vực; xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành.

4.5. Hiện đại hóa phương thức đào tạo; phát triển đội ngũ nhân lực đủ năng lực, trình độ giảng dạy lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ chip bán dẫn, vi mạch, kỹ thuật và công nghệ then chốt; Xây dựng đội ngũ nhân lực chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng.

4.6. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về KHCN, ĐMST, kỹ năng số, công nghệ số; Tích hợp, lồng ghép nội dung CDS, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng; Phát động phong trào “học tập số”, Chương trình “Bình dân học vụ số” nhằm mang lại cơ hội tiếp cận tri thức và nâng cao năng lực học tập cho người dân, đảm bảo tính phổ cập và hiệu quả.

5. Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, ĐMST trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

5.1. Triển khai hiệu quả chương trình, kế hoạch phát triển Chính phủ số; giao người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển Chính phủ số.

5.2. Đẩy mạnh ứng dụng KHCN để xây dựng các cơ sở khoa học nhằm trợ giúp việc ra quyết định trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị để đảm bảo liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị.

5.3. Tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành; thực hiện chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu; nâng cao tương tác giữa chính quyền và người dân; giám sát trực tuyến và toàn diện, kịp thời cảnh báo, phát hiện sớm để phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

5.4. Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; Phát triển các nền tảng số đảm bảo an toàn, tiện ích cho người dân; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân. Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

5.5. Xây dựng chiến lược triển khai các nền tảng số, tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu. Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số. Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục, y tế, đô thị, môi trường, ... Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

5.6. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa để phát triển công nghiệp văn hóa. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hóa, các di sản văn hóa số. Xử lý kịp thời các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng.

5.7. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trọng tâm của phường và liên kết chuỗi giá trị sản phẩm trên địa bàn phường.

5.8. Xây dựng các hệ thống và nền tảng số về giám sát và thu thập dữ liệu môi trường, quản lý tài nguyên, thiên nhiên, nguồn nước, chất thải; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh. Phát triển các ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, hỗ trợ phân tích, cảnh báo về nguy cơ quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.

5.9. Tăng cường giám sát trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng; Triển khai các biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng. Chú trọng xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng.

5.10. Tăng cường ứng dụng công nghệ số, công nghệ quốc phòng mới trong các hệ thống chỉ huy, điều hành, quản lý lực lượng vũ trang, góp phần thực hiện chính quy hóa, hiện đại hóa quốc phòng, an ninh; chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa chiến tranh mạng và chiến tranh điện tử; xây dựng, phát huy sức mạnh thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động KHCN, ĐMST và CDS trong doanh nghiệp

6.1. Xây dựng chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã CDS, đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh, thương mại hóa sản phẩm sáng tạo, tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

6.2. Tổ chức thực hiện các giải pháp để thúc đẩy việc chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực KHCN, ĐMST; hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trên địa bàn phường đầu tư ra nước ngoài.

6.3. Hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp công nghệ số quy mô lớn để phát triển hạ tầng số; giao doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức, cá nhân có năng lực, thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về CDS.

6.4. Triển khai cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới có sự giám sát của Nhà nước theo lộ trình; Khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về KHCN, ĐMST, CDS cùng với hỗ trợ khởi nghiệp.

6.5. Khuyến khích hợp tác giữa doanh nghiệp tư nhân và các tổ chức công lập trong xây dựng hạ tầng phục vụ KHCN, ĐMST và CDS theo phương thức hợp tác công tư; cho phép doanh nghiệp tham gia đầu tư, vận hành, thương mại hóa kết quả nghiên cứu tại các phòng thí nghiệm, cơ sở công lập.

6.6. Triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

6.7. Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

6.8. Đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, xây dựng, logistics, du lịch,...

6.9. Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố để các doanh nghiệp công nghệ số tham gia giải quyết theo hướng dẫn của thành phố và phường.

6.10. Thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn phường phát triển tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu tạo ra giá trị thiết thực, làm chủ công nghệ.

6.11. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động phát triển KHCN, ĐMST và CDS theo hình thức đối tác công tư (*Nhiệm vụ, giải pháp mang tính chiến lược, đặc thù*).

7. Tăng cường hợp tác trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS

7.1. Tăng cường liên kết, hợp tác nhằm chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung..., phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo.

7.2. Tổ chức xúc tiến đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp công nghệ nước ngoài đầu tư, sản xuất, đặt trụ sở trên địa bàn phường và thành phố.

7.3. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế với các cơ quan, đơn vị, địa phương có trình độ KHCN, ĐMST và CDS phát triển; thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng các thành tựu KHCN phù hợp với thực tiễn và điều kiện của địa phương, nhanh chóng rút ngắn khoảng cách về trình độ, năng lực công nghệ và nâng cao tự chủ về công nghệ.

7.4. Tạo điều kiện để cán bộ KHCN hợp tác, giao lưu, tham quan, khảo sát và tham gia các hội nghị khoa học quốc tế có liên quan; tiếp cận với tiến bộ khoa học, kỹ thuật của các nước tiên tiến, phát triển; Tăng cường tổ chức học tập kinh nghiệm các đơn vị, địa phương có mô hình, giải pháp phát triển KHCN, ĐMST và CDS phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của phường và thành phố.

7.5. Tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về CDS, KHCN. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược. Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp. Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu; xây dựng thương hiệu địa phương về ĐMST, KHCN. Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về KHCN, ĐMST và CDS.

7.6. Đẩy mạnh ngoại giao công nghệ, thu hút các nguồn lực bên ngoài, góp phần đảm bảo an ninh kinh tế, nâng cao tự chủ về công nghệ cho các doanh nghiệp trên địa bàn phường; Khuyến khích các doanh nghiệp của phường hợp tác với các đối tác nước ngoài; Tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến phường làm việc, hợp tác.

7.7. Mở rộng hợp tác quốc tế và thu hút FDI vào công nghệ cao. Tăng cường xúc tiến, tổ chức triển khai các hoạt động giao lưu, kết nối doanh nghiệp, trao đổi đoàn, tổ chức ký kết thỏa thuận hợp tác, thu hút đầu tư về KHCN, ĐMST, CDS (*Nhiệm vụ, giải pháp mang tính chiến lược, đặc thù*).

8. Tăng cường giám sát, đánh giá

8.1. Tăng cường thực hiện giám sát trực tuyến để theo dõi tiến độ triển khai các nhiệm vụ trong kế hoạch. Đảm bảo công khai các thông tin về tiến độ, nguồn lực sử dụng và kết quả thực hiện của từng nhiệm vụ để các bên liên quan dễ dàng truy cập. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả dựa trên các mục tiêu cụ thể của kế hoạch. Thiết lập thước đo định lượng và định tính để đảm bảo đánh giá chính xác và toàn diện.

8.2. Phân công các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm chính trong việc giám sát từng phần nhiệm vụ. Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất để đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ. Ứng dụng công nghệ số như AI và Big Data để phân tích và giám sát các chỉ số hiệu quả trong thời gian thực hiện. Yêu cầu các đơn vị liên quan gửi báo cáo tiến độ để tổng hợp và phân tích. Công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để tăng cường tính minh bạch.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ GIAI ĐOẠN 2025 - 2030

1. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Nghị quyết 57-NQ/TW và Nghị quyết 71-NQ/CP (Chi tiết tại Phụ lục 01).

2. Các nhiệm vụ cụ thể khác

Căn cứ Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy ban nhân dân phường xác định các nhiệm vụ cụ thể về phát triển KHCN, ĐMST, CDS trong giai đoạn 2025-2030 và phân công cho các cơ quan, đơn vị tại Phụ lục 02 kèm theo Kế hoạch này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn phường căn cứ đặc điểm, tình hình, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung nêu tại Kế hoạch này.

2. Giao phòng Văn hóa - Xã hội phường chủ trì, phối hợp, hướng dẫn triển khai thực hiện; kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo kịp thời.

Ủy ban nhân dân phường yêu cầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo Ủy ban nhân dân phường (qua Phòng Văn hóa - Xã hội phường để tổng hợp) xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TT Đảng ủy phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Các phòng, ban, ngành, đơn vị thuộc phường;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Phong Doanh

PHỤ LỤC

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

(Kèm theo Kế hoạch hành động số /UBND-VHXH ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường)

PHỤ LỤC 01: Phân công chủ trì, theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Đồng chí được phân công chỉ đạo	Đồng chí được phân công chủ trì	Cơ quan chủ trì theo dõi đánh giá	Sản phẩm đầu ra
I	Phát triển hạ tầng									
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn phường	≥60%	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường	Phòng Văn hóa – Xã hội phường	Bộ số liệu báo cáo
2	Tỷ lệ phủ sóng 5G tại các cụm công nghiệp, khu du lịch trên địa bàn phường	100%	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường	Phòng Văn hóa – Xã hội phường	Bộ số liệu báo cáo
3	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định tốc độ trên 01 Gbps/s	≥60%	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường	Phòng Văn hóa – Xã hội phường	Bộ số liệu báo cáo
4	Tỷ lệ phủ sóng 6G tại cụm công nghiệp, trên địa bàn phường	-	-	100%	100%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường	Phòng Văn hóa – Xã hội phường	Bộ số liệu báo cáo
5	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn phường	-	-	50%	80%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường	Phòng Văn hóa – Xã hội phường	Bộ số liệu báo cáo
II	Phát triển nguồn lực									
6	Tỷ lệ chi cho KHCN, ĐMST, CDS trong tổng chi ngân sách phường	Phấn đấu ít nhất 3%	Phấn đấu ít nhất 3%	Đạt 3%	Đạt ít nhất 3%	Đạt ít nhất 3%	Đồng chí Nguyễn Tùng Lâm PCT TT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	Bộ số liệu báo cáo
7	Tỷ lệ kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) trong GRDP	-	2%	2%	2%	2%	Đồng chí Nguyễn Tùng Lâm PCT TT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Đồng chí được phân công chỉ đạo	Đồng chí được phân công chủ trì	Cơ quan chủ trì theo dõi đánh giá	Sản phẩm đầu ra
8	Tỷ lệ cán bộ, công chức phường được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	80%	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội phường	Phòng Văn hóa -Xã hội phường	Bộ số liệu báo cáo
9	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	80%	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội phường	Phòng Văn hóa - Xã hội phường	Bộ số liệu báo cáo
10	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	80%	90%	95%	97%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường	Phòng Văn hóa – Xã hội phường	Bộ số liệu báo cáo
11	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số...	-	-	-	80 - 90%	≥90%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường	Phòng Văn hóa – Xã hội phường	Bộ số liệu báo cáo
12	Tỷ lệ các sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên	≥70%	≥90%	≥95%	100%	-	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường	Phòng Văn hóa – Xã hội phường	Bộ số liệu báo cáo
13	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số; cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số	≥90%	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường	Phòng Văn hóa – Xã hội phường	Bộ số liệu báo cáo
14	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học	≥80%	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường	Phòng Văn hóa – Xã hội phường	Bộ số liệu báo cáo
15	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh phù hợp với quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học	-	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường	Phòng Văn hóa – Xã hội phường	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Đồng chí được phân công chỉ đạo	Đồng chí được phân công chủ trì	Cơ quan chủ trì theo dõi đánh giá	Sản phẩm đầu ra
16	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào các môn học và hoạt động giáo dục	-	≥95%	≥95%	100%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường	Phòng Văn hóa – Xã hội phường	Bộ số liệu báo cáo
17	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục trung học, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên	-	≥95%	≥95%	100%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường	Phòng Văn hóa – Xã hội phường	Bộ số liệu báo cáo
III	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo									
18	Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh	15%	20%	25%	30%	35%	Đồng chí Nguyễn Tùng Lâm PCT TT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	
IV	Phát triển chuyển đổi số									
19	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa thành phố và phường	≥70%	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đơn vị	Các phòng, ban, ngành, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
20	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	≥70%	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đơn vị	Các phòng, ban, ngành, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
21	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	≥80%	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đơn vị	Các phòng, ban, ngành, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
22	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	100%	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đơn vị	Các phòng, ban, ngành, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
23	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	≥70%	≥85%	≥95%	≥100%	≥100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đơn vị	Các phòng, ban, ngành, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
24	Tỷ lệ hệ thống thông tin của phường vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	≥40%	70%	≥90%	100%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường	Phòng Văn hóa – Xã hội phường	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Đồng chí được phân công chỉ đạo	Đồng chí được phân công chủ trì	Cơ quan chủ trì theo dõi đánh giá	Sản phẩm đầu ra
25	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của phường được số hóa và liên thông tới thành phố	≥50%	80%	100%	100%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội phường	Phòng Văn hóa - Xã hội; các phòng, ban, ngành, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
26	Tỷ lệ dữ liệu của các phòng, ban, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP	≥60%	≥85%	100%	100%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí thủ trưởng các phòng, ban, ngành	Phòng Văn hóa - Xã hội; các phòng, ban, ngành, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
27	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	≥30%	≥60%	≥85%	≥95%	100%	Đồng chí Nguyễn Tùng Lâm PCT TT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	Bộ số liệu báo cáo
28	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	-	≥10%	≥20%	≥30%	≥40%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng Công an phường	Công an phường	Bộ số liệu báo cáo
29	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	≥70%	≥85%	≥95%	100%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	- Đồng chí Trưởng Công an phường; - Thủ trưởng các phòng,ban, ngành, đơn vị	- Công an phường; - Các phòng, ban, ngành, đơn vị.	Bộ số liệu báo cáo
30	Các cơ quan, đơn vị sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	100%	100%	100%	100%	100%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Thủ trưởng các phòng,ban, ngành, đơn vị	Các phòng, ban, ngành, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
31	Tỷ lệ Quy mô kinh tế số trong GRDP	30%	35%	45-50%	50-55%	60%	Đồng chí Trần Thị Phương PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường	Phòng Văn hóa – Xã hội phường	Bộ số liệu báo cáo

PHỤ LỤC 02: Phân công thực hiện các nhiệm vụ

Stt	Chỉ tiêu	Đồng chí được phân công chỉ đạo	Cá nhân/Tổ chức được phân công chủ trì	Sản phẩm đầu ra	Tiến độ thực hiện
1	Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân	Đồng chí Trần Thị Phương, PCT UBND phường	Đồng chí Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đơn vị.	Kế hoạch	Hoàn thành trước tháng 9/2025
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện, cụ thể hóa của UBND phường	Đồng chí Trần Thị Phương, PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội	Kế hoạch của UBND phường	Hoàn thành trong tháng 10/2025
3	Xây dựng kế hoạch cụ thể của các cấp, ngành, đơn vị, địa phương phù hợp với đặc thù, đơn vị dựa trên Kế hoạch hành động chung	Đồng chí Trần Thị Phương, PCT UBND phường	Đồng chí Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đơn vị	Kế hoạch	Hoàn thành trong tháng 10/2025
4	Bố trí nguồn lực thực hiện Kế hoạch	Đồng chí Nguyễn Tùng Lâm, PCT TT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	Kế hoạch	Hàng năm
5	Hoàn thiện thể chế, chính sách đột phá cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Đồng chí Trần Thị Phương, PCT UBND phường	Đồng chí Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đơn vị	Các cơ chế chính sách	Thường xuyên
6	Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số	Đồng chí Trần Thị Phương, PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng Công an phường	Kế hoạch	Hàng năm
7	Xây dựng chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển	Đồng chí Trần Thị Phương, PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường	Chiến lược/Kế hoạch	Hoàn thành trong năm 2026

Stt	Chỉ tiêu	Đồng chí được phân công chỉ đạo	Cá nhân/Tổ chức được phân công chủ trì	Sản phẩm đầu ra	Tiến độ thực hiện
8	Xây dựng chiến lược giai đoạn 5 năm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao	Đồng chí Nguyễn Tùng Lâm, PCT TT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường	Chiến lược/Kế hoạch	Hoàn thành trong năm 2026
9	Xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số	Đồng chí Trần Thị Phương, PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường	Chiến lược/Kế hoạch	Hoàn thành trong năm 2027
10	Xây dựng chiến lược chuyển đổi số, kinh tế số phường	Đồng chí Trần Thị Phương, PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường	Chiến lược/Kế hoạch	Hoàn thành trong năm 2027
11	Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế	Đồng chí Nguyễn Tùng Lâm, PCT TT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	Kế hoạch	Hàng năm
12	Theo dõi, tổng hợp tình hình, nghiên cứu đề xuất giải pháp đấu tranh với sai phạm trong triển khai các dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Đồng chí Trần Thị Phương, PCT UBND phường	Đồng chí Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường	Kế hoạch, Báo cáo	Hàng năm